

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01 - 2025

V/v tranh chấp về cấp dưỡng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Võ Thị Mai.
- Ông Nguyễn Văn Soan.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 960/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp về cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 645/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 649/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Nhật T, sinh năm 1989; địa chỉ: Căn hộ A Chung cư C, số A đường V, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trương Mạnh H, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1988. Cùng địa chỉ liên hệ: Số A đường P, Phường I, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T2, sinh năm 1986, địa chỉ: Phòng B, Tầng H, Chung cư D, số C đường N, Phường C, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông H có đơn xin vắng mặt; ông T1 có mặt; bà T2 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Văn T1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Trần Nhật T và bà Nguyễn Thị Thanh T2 đã ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 313/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí

Minh. Theo quyết định nêu trên thì ông T và bà T2 đã thuận tình ly hôn, giao con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 13 tháng 11 năm 2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (Mười triệu) đồng kể từ ngày 27/8/2022 đến khi trẻ N đủ 18 tuổi.

Ngày 11/7/2024, ông Trần Nhật T nộp đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con với lý do: Kể từ tháng 12/2023 tình hình tài chính của ông khó khăn, thu nhập không đủ chi tiêu, trả nợ nên ông không đủ khả năng cấp dưỡng số tiền như đã thỏa thuận theo quyết định nêu trên, ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng xuống còn 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ kết quả xác minh Tòa án đã tổng đạt, triệu tập họp lệ Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đối với bà Nguyễn Thị Thanh T2 đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngày 20/9/2024, bà T2 có đến Tòa án để làm việc nhưng bà không đồng ý trình bày ý kiến, không ký vào Biên bản nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Nhật T về việc thay đổi mức cấp dưỡng đối với con chung là trẻ Trần Phúc N, sinh ngày 13/11/2017 từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng xuống còn 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét điều kiện thực tế của ông T, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do ông T cung cấp nhận thấy việc ông T không trực tiếp nuôi con nên phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con là cần thiết, do tình hình kinh tế hiện tại đang gặp khó khăn nên ông T có yêu cầu thay đổi về mức cấp dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên với mức cấp dưỡng do ông T yêu cầu sẽ không đảm bảo được quyền lợi của trẻ N cũng như của bà T2, bởi với mức cấp dưỡng 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng sẽ không đủ để đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, thực tế mức chi phí học tập hằng tháng của trẻ N có giảm hơn so với trước đây, tuy nhiên ở mỗi giai đoạn trẻ có nhu cầu thiết yếu khác nhau, cuộc sống của trẻ đã ổn định với mức cấp dưỡng hằng tháng do các bên thỏa thuận trước đây nên cần tránh sự thay đổi, xáo trộn quá nhiều mức cấp dưỡng hằng tháng, gây ảnh hưởng đến cuộc sống và sự phát triển của trẻ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên

đơn về việc thay đổi mức cấp dưỡng, đối với mức cấp dưỡng cần buộc ông T phải cấp dưỡng nuôi trẻ N với mức cấp dưỡng phải phù hợp với khu vực sinh sống, phù hợp với thu nhập của ông T trên cơ sở bảo đảm các nhu cầu về ăn, mặc, học hành và vui chơi giải trí của trẻ N.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn ông Trần Nhật T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu về thay đổi mức cấp dưỡng, đây là quan hệ: “Tranh chấp về cấp dưỡng”. Bị đơn cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Bà Nguyễn Thị Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bà T2.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

3.1. Xét yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Nhật T yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”

3.2. Xét yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng xuống 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng:

Căn cứ vào Quyết định số: 313/2022/QĐST-HNGĐ ngày ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: “Về con chung: Giao con chung là trẻ Trần Phúc N, sinh ngày 13/11/2017 cho bà Nguyễn Thị Thanh T2 trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tân chịu trách nhiệm cấp dưỡng nuôi trẻ Trần Phúc N số tiền 10.000.000 (Mười triệu) đồng mỗi tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 27 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 27/8/2022 cho đến khi trẻ Nguyễn thành niên”.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là quyền, nghĩa vụ của cha mẹ sau khi ly hôn đối với con. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con”. Như vậy,

sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Tại khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về mức cấp dưỡng: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng ...”.

Tại khoản 20 Điều 3 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Nhu cầu thiết yếu là nhu cầu sinh hoạt thông thường về ăn, mặc, ở, học tập, khám bệnh, chữa bệnh và nhu cầu sinh hoạt thông thường không thể thiếu cho cuộc sống mỗi người, mỗi gia đình”.

Tại khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao như sau: “Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con”.

Theo hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao thì mức cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tối thiểu không dưới nửa tháng lương cơ sở. Hiện nay mức lương cơ sở do Nhà nước quy định tại Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về mức lương tối thiểu vùng áp dụng từ ngày 01/7/2024 thì đối với quận G là nơi trẻ N cư trú và Quận H là nơi ông T cư trú đều thuộc Vùng I với mức lương tối thiểu tháng hiện nay là: 4.960.000 (Bốn triệu chín trăm sáu mươi ngàn) đồng/tháng.

Hiện nay, trẻ N đang học cấp 1 tại Trường Tiểu học T3, Quận C. Theo Công văn số: 42/CV-TQ ngày 17/9/2024 của trường có nội dung như sau: “Em Trần Phúc N, sinh ngày 13/11/2017 hiện đang học Lớp 2/2 tại Trường Tiểu học T3, Quận C năm học 2024-2025. Dự kiến thu đầu năm học 2024-2025 là: 1.249.520 (Một triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn năm trăm hai mươi) đồng/năm. Dự kiến thu hàng tháng là: 2.795.000 (Hai triệu bảy trăm chín mươi lăm ngàn) đồng/tháng”. Như vậy, tiền học trung bình mỗi tháng của trẻ N tại trường là 2.899.127 (Hai triệu tám trăm chín mươi chín ngàn một trăm hai mươi bảy) đồng/tháng. Ngoài học tập thì còn phải cấp dưỡng chi phí cho việc nuôi dưỡng và các nhu cầu thiết yếu, nhu cầu sinh hoạt thông thường không thể thiếu của trẻ. Việc ông T cho rằng hiện nay khả năng kinh tế của ông đang gặp khó khăn, hiện ông còn các khoản nợ phải trả, nếu tình trạng này kéo dài thì cuộc sống của ông sẽ rất khó khăn nên cần phải giảm mức cấp dưỡng nuôi con từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng xuống 3.000.000 (Ba triệu) đồng là không phù hợp. Bởi lẽ, căn cứ Hợp đồng lao động của ông cho thấy thu nhập mỗi tháng của ông là 40.000.000 (Bốn mươi triệu) đồng và hiện tại ông T không nuôi dưỡng, cấp dưỡng

người phụ thuộc nào khác ngoài trẻ N. Do đó, tất cả các chi phí phục vụ nhu cầu cá nhân như ông T trình bày thì ông T phải tự điều chỉnh và cân đối cho phù hợp.

Theo quy định thì mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Mặt khác, theo quy định thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Sau khi ly hôn, ông T không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung thì phải có trách nhiệm cấp dưỡng cho con và mức cấp dưỡng phải phù hợp để đảm bảo cho trẻ phát triển đầy đủ, ổn định về tinh thần, sinh hoạt và thể chất. Căn cứ vào thu nhập của ông T thì việc ông T yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng xuống 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng là không phù hợp với khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và không phù hợp nhu cầu sinh hoạt thiết yếu hàng ngày của người được cấp dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của trẻ N, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng, không chấp nhận yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng từ 10.000.000 (Mười triệu) đồng xuống 3.000.000 (Ba triệu) đồng/tháng. Buộc ông Trần Nhật T cấp dưỡng nuôi con chung tên Trần Phúc N, sinh ngày 13/11/2017 số tiền 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Về phía bà Nguyễn Thị Thanh T2, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt, triệu tập hợp lệ bà T2 đến Tòa án làm việc để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người được cấp dưỡng là trẻ Trần Phúc N, sinh ngày 13/11/2017. Tòa án đã ban hành và tổng đạt Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 1356/2024/QĐ-CCTLCC ngày 29 tháng 8 năm 2024 yêu cầu bà cung cấp tài liệu, chứng cứ về chi phí học tập, sinh hoạt và các chi phí khác của trẻ N cũng như công việc, thu nhập, nhà ở của bà T2 nhưng bà T2 không cung cấp để Hội đồng xét xử xem xét. Bà T2 cũng không có mặt đầy đủ theo triệu tập của Tòa án mà chỉ đến Tòa án một lần nhưng không trình bày bằng văn bản thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có thiện chí hòa giải cũng không đưa ra mức cấp dưỡng phù hợp với hoàn cảnh của hai bên và chi phí nhu cầu thiết yếu của con chung. Như vậy, bà T2 từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và của con chung, không quan tâm đến việc giải quyết vụ án. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà T2 tham gia phiên tòa nhưng bà T2 vắng mặt không lý do.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về các vấn đề có liên quan đến vụ án là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] *Án phí cấp dưỡng nuôi con:* Ông Trần Nhật T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 3, 69, 82, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 về mức lương tối thiểu vùng mới áp dụng từ ngày 01/7/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Nhật T về việc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Buộc ông Trần Nhật T cấp dưỡng nuôi con chung là Trần Phúc N, sinh ngày 13/11/2017, mức cấp dưỡng số tiền là: 4.000.000 (Bốn triệu) đồng/tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ N đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

2. Về án phí sơ thẩm là: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Trần Nhật T phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0014255 ngày 23/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Nhật T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thanh T2 vắng mặt tại phiên tòa

được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận Gò Vấp, TP . HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP . HCM;
- Đường sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Thị Mộng Tuyền